

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 11 – 2017

“V/v ly hôn giữa
chị T và anh L ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Doan

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Phước T – Sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ L, xã Mỹ A, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Ch là Luật sư của Văn phòng luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Ngọc L – Sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 703, ấp Hậu G, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2017 và trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa chị Châu Thị Phước T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 1989 chị và anh Lê Ngọc L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống bình thường, khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do anh L quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, không phù hợp trong việc làm ăn anh L tự ý làm không cho chị có ý kiến, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan

tâm ai, tháng 02/2017 mâu thuẫn trầm trọng hơn và anh lâm đánh chị. Nay chị xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

Tại văn bản ngày 13/10/2017 và đơn xin vắng mặt ngày 17/10/2017 anh Lê Ngọc L trình bày như trình bày trên của chị T về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn, hiện nay đã ly thân do quan điểm sống không phù hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý. Anh L đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Châu Trà M, sinh năm 1991 đã thành niên có gia đình riêng, Lê Châu Thảo V, sinh ngày 25/4/2000 hiện nay chị T đang nuôi, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, Anh L đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi.

- Về chia tài sản: Theo chị T trình bày vợ chồng có 01 căn nhà sàn gỗ thao lao ngang 4m, dài 10m, vách ván, lợp tol, gắn liền diện tích đất khoảng 50m²; nền nhà diện tích khoảng 120m², các tài sản này tọa lạc tại xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L cũng trình bày tài sản vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Luật sư của nguyên đơn phát biểu ý kiến, chị T và anh L tuy hai người có thời gian dài chung sống với nhau, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L. Về nuôi con chung, vợ chồng có 02 con tên Lê Châu Trà M, sinh năm 1991 (đã trưởng thành) không đề cập việc nuôi con và cấp dưỡng, riêng Lê Châu Thảo V, sinh ngày 25/4/2000 đang sống với chị T có nguyện vọng sống với chị T khi cha mẹ ly hôn, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Thảo V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Về chia tài sản, chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét để vợ chồng tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Châu Thị Phước T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc L, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Hôn nhân của chị T và anh L là không hợp pháp, vì anh chị không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị Châu Thị Phước T và anh Lê Ngọc L là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Lê Châu Trà M đã thành niên có gia đình riêng, hai bên đương sự không có yêu cầu nên không đề cập. Đối với cháu Lê Châu Thảo V chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi và cháu V cũng có nguyện vọng sống với mẹ, anh L đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi cháu V, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Hai bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Tâm phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Châu Thị Phước T và anh Lê Ngọc L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Châu Thảo V, sinh ngày 25/4/2000 cho chị Châu Thị Phước T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị T đang nuôi. Anh Lê Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Lê Ngọc L không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không đề cập.

Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Châu Thị Phước T phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0016180 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Chị Châu Thị Phước T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA